PHỤ LỤC: TỔNG HỢP CÁC LÔ ĐẤT BÁN ĐẤU GIÁ QSD ĐẤT TẠI CÁC VÙNG QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ XÃ YÊN HÒA, TỈNH HÀ TĨNH (ĐỢT 2 NĂM 2026)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của UBND xã Yên Hòa)

TT	Theo quy hoạch		Theo BĐ địa chính			Giá khởi điểm m2 (đồng/m2)	Giá trị khởi điểm lô đất (đồng/lô)	Bước giá/lần (đồng)	Tiền đặt trước/lô (đồng)	Ghi chú
	Lô số	Diện tích (m2)	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m2)					
21	**Tổng số**	**4.896,9**			**4.901,1**		**7.768.534.000**			
I	**Vùng quy hoạch dân cư thôn Trung Dương, Trung Tiến được phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 5004/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của UBND huyện Cẩm Xuyên cũ**									
1	Lô số 01	222,0	38	295	222,0	3.432.000	761.904.000	30.000.000	200.000.000	Hai mặt tiền
2	Lô số 02	225,0	38	296	225,0	2.860.000	643.500.000	30.000.000	200.000.000	
3	Lô số 03	218,8	38	297	218,8	2.860.000	625.768.000	30.000.000	200.000.000	
4	Lô số 4	212,9	38	298	212,9	2.860.000	608.894.000	30.000.000	200.000.000	
5	Lô số 5	216,8	38	299	216,9	2.860.000	620.334.000	30.000.000	200.000.000	
6	Lô số 6	230,9	38	300	230,9	2.860.000	660.374.000	30.000.000	200.000.000	
	Tổng cộng	**1.326,4**			**1.326,5**		**3.920.774.000**	**180.000.000**		
II	**Vùng đất ở dân cư thôn Quý Hòa, được phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 09/3/2026 của UBND xã Yên Hòa**									
1	Lô số 01	195,0	43	208	194,8	1.000.000	194.800.000	10.000.000	80.000.000	
2	Lô số 02	197,0	43	209	196,2	1.200.000	235.440.000	10.000.000	80.000.000	Hai mặt tiền
3	Lô số 03	268,3	43	210	267,5	1.200.000	321.000.000	10.000.000	80.000.000	Hai mặt tiền
4	Lô số 04	262,9	43	211	262,7	1.000.000	262.700.000	10.000.000	80.000.000	
5	Lô số 05	265,5	43	212	265,6	1.200.000	318.720.000	10.000.000	80.000.000	Hai mặt tiền
6	Lô số 09	140,6	43	216	142,9	1.200.000	171.480.000	10.000.000	80.000.000	Hai mặt tiền
7	Lô số 10	240,5	43	217	239,5	1.000.000	239.500.000	10.000.000	80.000.000	
8	Lô số 11	212,5	43	218	217,1	1.000.000	217.100.000	10.000.000	80.000.000	
9	Lô số 12	212,4	43	219	212,3	1.000.000	212.300.000	10.000.000	80.000.000	
10	Lô số 13	211,2	43	220	211,8	1.200.000	254.160.000	10.000.000	80.000.000	Hai mặt tiền
11	Lô số 14	255,3	43	222	254,7	1.000.000	254.700.000	10.000.000	80.000.000	
12	Lô số 15	254,6	43	223	254	1.000.000	254.000.000	10.000.000	80.000.000	

13	Lô số 16	268,1	43	224	268,9	1.000.000	268.900.000	10.000.000	80.000.000	
	Tổng cộng	**2.983,9**			**2.988,0**		**3.204.800.000**			
III	**Vùng quy hoạch dân cư vùng gần nhà ông Chiến, thôn Hoàng Vân được phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND huyện Cẩm Xuyên cũ**									
1	Lô số 21	281,8	73	268	281,8	1.200.000	338.160.000	20.000.000	100.000.000	Hai mặt tiền
2	Lô số 22	304,8	73	269	304,8	1.000.000	304.800.000	20.000.000	100.000.000	
	Tổng cộng	**586,6**			**586,6**		**642.960.000**			